

Số: 2571/QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế; Quyết định số 07/QĐ-HĐĐH ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 2054a/BB-ĐHYD ngày 12/8/2021 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về Chương trình kế hoạch đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục và hoạt động khoa học công nghệ năm học 2021-2022;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở về sau.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa, Bộ môn, các đơn vị trực thuộc Trường và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.



**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy**

## QUY CHẾ

### ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHH ngày 29 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy và hệ liên thông được đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

3. Quy chế này là căn cứ để các phòng chức năng, các Khoa/Bộ môn xây dựng các kế hoạch cụ thể cho hoạt động của đơn vị.

##### **Điều 2. Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ**

###### 1. Đào tạo theo tín chỉ

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần/module cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần/module và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần/module bắt buộc sẽ phải học lại học phần/module đó hoặc học một học phần/module tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần/module thay thế nếu học phần/module đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần/module tự chọn sẽ phải học lại học phần/module đó hoặc có thể chọn học một học phần/module tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Đào tạo theo tín chỉ được áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

##### **Điều 3. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các học phần/modules, trong đó phải có đủ các học phần/modules bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và của Đại học Huế, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

3. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo xây dựng theo đúng quy trình thẩm định và công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

4. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cụ thể, khối lượng của mỗi chương trình được quy định như sau:

a) Đối với khoá đào tạo 6 năm học không dưới 180 tín chỉ, cộng với khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

b) Đối với khoá đào tạo 5 năm học không dưới 150 tín chỉ, cộng với khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

c) Đối với khoá đào tạo 4 năm học không dưới 120 tín chỉ, cộng với khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

5. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên. Ít nhất một lần trong 5 năm, Nhà trường tổ chức rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ chương trình đào tạo theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế.

#### **Điều 4. Học phần/module và Tín chỉ**

1. Học phần/module là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần/module phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần/module được ký hiệu bằng một mã số riêng do đơn vị đào tạo quy định. Mã số các học phần chung tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27/8/2021 của Giám đốc Đại học Huế sẽ do Đại học Huế hoặc các đơn vị được Đại học Huế giao nhiệm vụ quy định.

2. Có ba loại học phần/module: học phần/module bắt buộc, học phần/module tự chọn bắt buộc và học phần/module tự chọn không bắt buộc.

a) Học phần/module bắt buộc là học phần/module chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần/module tự chọn bắt buộc là học phần/module chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần/modules quy định cho mỗi chương trình.

c) Học phần/module tự chọn không bắt buộc là học phần/module chứa đựng những nội dung kiến thức cho phép sinh viên được lựa chọn học tập theo nhu cầu của cá nhân, không tính vào số tín chỉ của chương trình, nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn.

3. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần/module trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập cộng đồng, thực tế nghề nghiệp trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần/module cho phù hợp với đặc điểm của Nhà trường.

4. Một tiết học tín chỉ được tính bằng 50 phút.

#### **Điều 5. Đề cương chi tiết học phần**

1. Đề cương chi tiết học phần là tài liệu chứa những thông tin cần thiết về một học phần cụ thể để cấp quản lý đào tạo, giảng viên và sinh viên biết để thực hiện quá trình tổ chức giảng dạy và học tập học phần/module đó.

2. Đề cương chi tiết học phần/module do giảng viên hoặc nhóm giảng viên dạy cùng một học phần biên soạn, Hiệu trưởng phê duyệt. Đề cương chi tiết phải được thông báo cho sinh viên trước khi tổ chức giảng dạy học phần/module (theo quy định chung của Đại học Huế).

#### **Điều 6. Thời gian học tập**

1. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành được chương trình đào tạo.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

2. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo. Cụ thể như sau:

a) Đối với các ngành đào tạo Bác sĩ hệ chính quy, thời gian đào tạo chuẩn là 6 năm. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học là 12 năm.

b) Đối với các ngành đào tạo Dược sĩ đại học hệ chính quy, thời gian đào tạo chuẩn là 5 năm. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học là 10 năm.

c) Đối với các ngành đào tạo Cử nhân hệ chính quy, thời gian đào tạo chuẩn là 4 năm. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học là 8 năm.

d) Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được

miễn trừ.

### **Điều 7. Hình thức đào tạo**

#### 1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo.

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của các đơn vị đào tạo.

#### 2. Đào tạo liên thông chính quy và vừa làm vừa học

a) Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định của Đại học Huế.

b) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo hoặc tại đơn vị phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Chương II của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế ban hành theo Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27/8/2021 của Giám đốc Đại học Huế. Riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo, đơn vị phối hợp đào tạo.

c) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành ưu tiên đào tạo phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Nhà trường sẽ thực hiện khi có hướng dẫn của Đại học Huế và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương II**

### **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

#### **Điều 8. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài 02 học kỳ chính, Nhà trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm.

a) Một học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và kiểm tra thường xuyên, 3 tuần thi kết thúc học phần.

b) Một học kỳ phụ (học kỳ hè) có ít nhất 5 tuần thực học và kiểm tra thường xuyên, 1 tuần thi kết thúc học phần.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp

*LA*

hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần/modules được tổ chức trong học kỳ cho các khóa, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phần/modules bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học lý thuyết tập trung, số giờ giảng đối với một học phần/module bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Nhà trường sẽ quy định rõ việc phân bổ các học kỳ, thời gian, địa điểm, hình thức bố trí các giờ lên lớp theo nội dung của Quy chế này.

### **Điều 9. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng CT - CTSV của trường.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng CT - CTSV lập danh sách sinh viên chính thức nhập học trình Hiệu trưởng duyệt để báo cáo Đại học Huế. Giám đốc Đại học Huế ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Nhà trường. Phòng CT - CTSV và Phòng ĐTDH có nhiệm vụ cấp cho sinh viên:

- a) Thẻ sinh viên.
- b) Sổ tay sinh viên.
- c) Danh sách cổ vấn học tập theo lớp.

3. Sinh viên phải có thẻ đọc của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

4. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

5. Phòng ĐTDH và Phòng CT - CTSV của trường cung cấp đầy đủ cho sinh viên nhập học các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

### **Điều 10. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Sau kỳ tuyển sinh, với những trường hợp xác định trúng tuyển theo ngành đào tạo nào thì thí sinh trúng tuyển được Nhà trường sắp xếp vào học ngành đã đăng ký.

2. Đối với những ngành không thể đào tạo được do các lý do khách quan, Nhà trường sẽ đề xuất Đại học Huế sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào ngành khác phù hợp với nguyện vọng của sinh viên và không trái với quy chế tuyển sinh hiện hành.

### **Điều 11. Tổ chức nhóm học**

1. Nhóm học được tổ chức theo từng học phần/module (sau đây gọi là lớp học

phần) dựa vào số lượng sinh viên đăng ký ở từng học kỳ.

a) Lớp học phần là lớp có sinh viên đăng ký theo học cùng một học phần/module, có cùng thời khóa biểu trong cùng một học kỳ.

b) Điều kiện mở lớp học phần

- Lớp học phần được tổ chức khi có số lượng đăng ký không dưới 10 sinh viên.

- Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số lượng sinh viên tối thiểu.

c) Mỗi lớp học phần có một lớp trưởng và một lớp phó tham gia quản lý lớp để thực hiện nhiệm vụ học tập môn học và các hoạt động tự quản khác trong giờ học.

2. Ngoài lớp học tổ chức theo học phần/module nêu trên, Nhà trường sẽ tổ chức lớp sinh hoạt theo khóa tuyển sinh để duy trì các hoạt động đoàn thể.

3. Hiệu trưởng ra Quyết định cử cố vấn học tập cho mỗi lớp.

4. Cố vấn học tập có trách nhiệm tổ chức các buổi sinh hoạt lớp và có biên bản họp.

### **Điều 12. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường phải thông báo kế hoạch giảng dạy dự kiến cho từng khóa ngành trong từng học kỳ, danh sách các học phần/modules bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần/module, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần/modules; hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học phần/module trên hệ thống thông tin tích hợp và quản lý đào tạo của Nhà trường.

2. Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký các nhóm học của những học phần/modules dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần/modules mới, một số học phần/modules chưa đạt (để học lại) và một số học phần/modules đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ vào danh sách học phần/modules được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần/module. Có 3 hình thức đăng ký học phần/module sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng.

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần.

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong tuần đầu của học kỳ chính hoặc học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đổi sang học phần/module khác khi không có nhóm học.

Tuỳ theo điều kiện của kế hoạch đào tạo, Nhà trường sẽ xem xét, quy định các hình thức và thời gian đăng ký thích hợp.

3. Nhà trường quy định về quy trình, thủ tục, tổ chức quản lý, lưu trữ việc đăng ký học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ, việc rút bớt học phần/module đã đăng ký; quy định cụ thể giới hạn khối lượng học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ

a) Quy định về quy trình, thủ tục, tổ chức quản lý việc đăng ký học tập của sinh

viên ở mỗi học kỳ:

- Phòng ĐTĐH phụ trách việc thực hiện cho sinh viên đăng ký trực tuyến tại website Hệ thống thông tin tích hợp và quản lý đào tạo dành cho sinh viên.

- Sinh viên chỉ có thể thực hiện đăng ký qua mạng đối với các học phần thỏa mãn các điều kiện sau đây: lớp học phần cho phép đăng ký; lớp học phần chưa hết hạn đăng ký; số lượng sinh viên đăng ký chưa vượt quá số lượng tối đa cho phép của lớp học phần; số lượng tín chỉ đăng ký không vượt quá giới hạn khối lượng học tập cho phép theo điểm c khoản 3 Điều 12.

- Việc đăng ký các học phần/modules sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần/module và trình tự học tập từ khối kiến thức cơ bản đến khối kiến thức cơ sở ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành của mỗi chương trình cụ thể.

b) Quy định về việc rút bớt học phần/module đã đăng ký:

- Việc rút bớt học phần/module trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính nhưng không muộn quá 3 tuần; sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ nhưng không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn quy định, các học phần/modules đã rút bớt vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần/modules này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

- Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

+ Không vi phạm điểm c khoản 3 Điều 12 của Quy định này;

+ Sinh viên phải tự viết đơn và được sự cho phép của Phòng ĐTĐH.

c) Quy định cụ thể giới hạn khối lượng học tập của sinh viên được đăng ký trong mỗi học kỳ tùy theo khối lượng học tập cho một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình đào tạo mỗi ngành/chuyên ngành cụ thể của trường như sau:

$$\text{Khối lượng học tập trung bình/1 học kỳ} = \frac{\sum \text{tín chỉ/modules của khóa học}}{\sum \text{học kỳ của khóa học}}$$

- Khối lượng học tập tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng học tập trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

- Khối lượng học tập tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng học tập trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ và sinh viên thuộc khoản 2 Điều 18 của Quy chế này.

### **Điều 13. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên.

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường,



nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

## 2. Dạy và học trực tuyến

a) Nhà trường sẽ tổ chức các lớp học trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng chất lượng lớp học trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

b) Đối với đào tạo chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường sẽ thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế.

## 3. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên và sinh viên

a) Khoa/Bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên cho các lớp học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập và thực hiện các hoạt động học tập khác. Phòng ĐTDH tham mưu cho Ban Giám hiệu về việc phân công cho giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện luận văn, khóa luận tốt nghiệp. Phòng CT - CTSV phối hợp với Phòng ĐTDH tham mưu cho Ban Giám hiệu về việc phân công cho giảng viên làm công tác cố vấn học tập. Giảng viên thực hiện công tác cố vấn học tập theo Quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Cố vấn học tập lớp sinh viên.

b) Phòng KT&BDCLGD có trách nhiệm lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của đơn vị đào tạo và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc của giảng viên ở cơ sở Giáo dục đại học, của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Đại học Huế và của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến công tác giảng dạy và học tập thực hiện theo quy định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Y - Dược.

d) Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, luận văn, khóa luận và các hoạt động học tập khác thực hiện theo Quy chế hiện hành về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và Quy chế Công tác học sinh sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

#### **Điều 14. Đánh giá và tính điểm học phần/modules**

1. Đối với mỗi học phần/module, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần/modules có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần/module. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần/module. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường sẽ thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế. Đối với tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận và luận văn tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên.

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học.

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Xử lý các trường hợp sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá

a) Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không).

b) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính (phải có giấy xác nhận hợp pháp), được dự thi ở kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất 2 tuần sau kỳ thi chính (nếu có); điểm thi kết thúc học phần/module được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ, những sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính phải làm đơn (kèm theo giấy xác nhận hợp pháp) gửi cho Phòng ĐTDH xem xét quyết định và bố trí dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần/module ở các học kỳ sau.

3. Điểm học phần/module được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần/modules được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0.

B: từ 7,0 đến 8,4.

C: từ 5,5 đến 6,9.

D: từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần/modules chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra.

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu.

R: Điểm học phần/module được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây

a) Đối với những học phần/modules mà sinh viên đã có đủ điểm kiểm tra đánh giá thành phần, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ thi không có lý do hoặc bài thi kết thúc học phần bị điểm 0 phải nhận điểm F.

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả kiểm tra đánh giá thành phần mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ.

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

5. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi ở mức đình chỉ thi trở lên, phải nhận mức điểm F.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm, tai nạn hoặc vì những lý do khách quan khác không thể dự thi, nhưng phải được Trường Phòng ĐTDH cho phép.

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận vì bị ốm, tai nạn hoặc vì những lý do khách quan khác, nhưng phải được Trưởng Khoa/Bộ môn chuyên môn/giảng viên giảng dạy chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận hoặc thi còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không thuộc vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần/modules mà Phòng ĐTDH chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ Khoa/Bộ môn chuyên môn hoặc Phòng KT&BĐCLGD chuyển đến.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau

a) Điểm học phần/module được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt kiểm tra đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần/modules được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần/modules được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ

đơn vị đào tạo khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

9. Học lại, thi và học cải thiện điểm

a) Sinh viên có điểm học phần/module không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 10 Điều này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần/module.

b) Sinh viên có điểm học phần/module đạt mức điểm D được đăng ký học lại để cải thiện điểm.

10. Nhà trường dựa trên điều kiện thực tế để ban hành quy định về

a) Khoa/Bộ môn phụ trách việc tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần/modules.

b) Việc tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

c) Việc tổ chức đánh giá các học phần/modules, luận văn, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần/modules đặc thù khác thực hiện theo các quy định hiện hành về việc đánh giá học phần của Nhà trường.

d) Việc có yêu cầu ngưỡng điểm đạt phải cao hơn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; việc áp dụng nhiều mức điểm chữ xếp loại hơn quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện theo các quy chế hiện hành về việc đánh giá học phần của Nhà trường.

đ) Việc cho phép thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần/module từ không đạt thành đạt, trong trường hợp này, điểm sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm D hoặc điểm C.

e) Nếu sinh viên đăng ký học lại để cải thiện điểm thì điểm cũ của học phần/module bị hủy bỏ hoàn toàn.

11. Các quy định về đánh giá và tính điểm học phần/module phải phù hợp các nguyên tắc và yêu cầu như sau


a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực.

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên trong lớp, giữa các lớp, các khóa và các hình thức đào tạo.

**Điều 15. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần/module**

1. Trong mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần/module. Kỳ thi phụ chỉ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính có lý do chính đáng và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Hiệu trưởng cho phép tổ chức kỳ thi phụ theo đề nghị của Trưởng Phòng ĐTDH.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần/module tỉ lệ thuận với số tín chỉ của học phần/module đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

3. Tùy tình hình thực tế, Hiệu trưởng quy định hình thức tổ chức thi trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc phối hợp cả hai hình thức. 

### **Điều 16. Ra đề thi, hình thức thi và tổ chức chấm thi**

1. Đề thi kết thúc học phần/module phải phù hợp với nội dung học phần/module đã quy định trong chương trình, đạt chuẩn đầu ra của học phần/module và chương trình đào tạo đã công bố. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần/module có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn, báo cáo hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Thi vấn đáp kết thúc học phần/module phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi hay ngày kết thúc thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình Trưởng Khoa/Bộ môn chuyên môn quyết định.

Điểm thi kết thúc học phần/module và điểm thành phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Nhà trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản, một bản lưu tại Bộ môn, một bản gửi về Phòng KT&BDCLGD và một bản gửi về Phòng ĐTDH, chậm nhất một tuần sau ngày tổ chức chấm thi kết thúc học phần/module do Nhà trường thông báo.

4. Việc chấm thi kết thúc học phần/module và việc chấm tiểu luận, chuyên đề, bài tập lớn hay báo cáo phải do ít nhất hai giảng viên đảm nhiệm.

Các quy định của Điều này thực hiện theo Quyết định hiện hành của Hiệu Trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy trình công tác của Phòng Đào tạo đại học Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận là cho đến khi kết thúc khóa học. Riêng bài thi, tiểu luận của 2 năm học cuối khóa phải lưu giữ 2 năm kể từ ngày thi.

### **Điều 17. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần/modules nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà người học đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần/modules mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học.

b) Tổng số tín chỉ của những học phần/modules mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần/modules được miễn học, được công nhận tín chỉ.

c) Điểm trung bình của những học phần/modules mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần/module và trọng số là số tín chỉ của học phần/module đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần/module được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ nhiều mức hơn do cơ sở đào tạo quy định (nếu có) cũng được quy đổi sang điểm số tương

*lu*

ứng theo thang từ 0 tới 4.

- A quy đổi thành 4.
- B quy đổi thành 3.
- C quy đổi thành 2.
- D quy đổi thành 1.
- F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần/modules không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

- Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc.
- Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi.
- Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá.
- Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình.
- Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu.
- Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

- Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc.
- Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi.
- Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá.
- Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình.
- Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu.
- Dưới 4,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ .
- b) Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ .
- c) Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ .
- d) Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ .
- đ) Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

Với  $M=30$ .

### **Điều 18. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên các điều kiện như sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24.

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo.

#### 2. Điều kiện để sinh viên được học tiếp

a) Đối với các ngành có thời gian hoàn thành khóa học 6 năm, sau khi kết thúc chương trình học năm thứ ba, nếu sinh viên chưa tích lũy đủ bất kỳ học phần/module nào của chương trình học năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba thì sẽ không được đăng ký học các học phần/modules của chương trình học những năm tiếp theo.

b) Đối với các ngành có thời gian hoàn thành khóa học từ 4 đến 5 năm, sau khi kết thúc chương trình học năm thứ hai, nếu sinh viên chưa tích lũy đủ bất kỳ học phần/module nào của chương trình học năm thứ nhất, năm thứ hai thì sẽ không được đăng ký học các học phần/modules của chương trình học những năm tiếp theo.

Riêng đối với các sinh viên này, Nhà trường sẽ tổ chức học kỳ phụ để sinh viên trả nợ các học phần chưa tích lũy được.

Thời gian để sinh viên tích lũy các học phần/modules chưa đạt phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

#### 3. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- a) Có 03 lần cảnh báo kết quả học tập liên tiếp.
- b) Có trên 03 lần cảnh báo kết quả học tập không liên tiếp.
- c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 2, Điều 6 của Quy định này.

#### 4. Quy định thực hiện

a) Các quy trình cảnh báo học tập, buộc thôi học; việc thông báo hình thức áp dụng tới sinh viên được thực hiện theo Quyết định hiện hành của Hiệu Trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy trình công tác của Phòng Đào tạo đại học Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

b) Sinh viên bị buộc thôi học được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy được trong chương trình học của Nhà trường.

## **Chương IV** **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

### **Điều 19. Thực tập cuối khóa, làm luận văn, khóa luận tốt nghiệp**

1. Các sinh viên được đăng ký làm luận văn, khóa luận được quy định như sau:

a) Tùy theo chương trình, khóa học và ngành học, hằng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường sẽ thông qua quy định tiêu chuẩn, tỷ lệ sinh viên và thời gian được làm luận văn và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

b) Luận văn tốt nghiệp là học phần có khối lượng tương đương 10 tín chỉ đối với các ngành có thời gian đào tạo 5 đến 6 năm. Khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng tương đương 7 tín chỉ đối với các ngành có thời gian đào tạo 4 năm.

2. Sinh viên không được giao làm luận văn, khóa luận tốt nghiệp phải tích lũy đủ các học phần/modules chuyên môn theo quy định của Chương trình đào tạo. *MS*

## **Điều 20. Đánh giá luận văn, khóa luận tốt nghiệp**

1. Việc đánh giá một luận văn hoặc một khóa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 3 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của luận văn và khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 quy tròn đến một chữ số thập phân và quy về điểm chữ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 và khoản 2 Điều 17 của Quy định này. Điểm luận văn và khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có luận văn, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải hoàn thành các học phần/modules chuyên môn theo quy định của chương trình đào tạo.

4. Tùy theo tình hình thực tế, việc bảo vệ luận văn, khóa luận tốt nghiệp sẽ được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức này.

## **Điều 21. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần/modules, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên ( $\geq 2.0$ ).

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Nhà trường ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 4 Điều 17 của Quy chế này, trong đó, thứ hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần/modules phải học lại (do bị điểm F) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi hết hạn thời gian học tập được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần/modules đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Nhà trường.

6. Quy trình, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm

a) Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quyết định hiện hành của Hiệu Trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy trình



công tác của Phòng Đào tạo đại học Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

b) Thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm

Hàng năm, Nhà trường sẽ tổ chức xét tốt nghiệp hai đợt, đợt một tổ chức khi kết thúc khóa học, đợt hai được tổ chức tối thiểu sau đợt một 3 tháng.

### **Chương V**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

### **Điều 22. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang.

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế.

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng sinh viên phải học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

3. Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật, những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp, phải làm thủ tục để nhận được Quyết định vào học lại của Nhà trường ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

5. Quyết định buộc sinh viên thôi học do Hiệu trưởng ban hành.

6. Nhà trường quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học.


### **Điều 23. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xem xét chuyển trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến.

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường xin chuyển đi và Trường xin chuyển đến. 

2. Việc chuyển trường phải báo cáo Giám đốc Đại học Huế có ý kiến trước khi ban hành Quyết định công nhận.

3. Nhà trường quy định việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy cho sinh viên chuyển trường.

#### **Điều 24. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần/module đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

### **Chương VI**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 25. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng cho tất cả các Khóa, các Ngành tuyển sinh từ năm 2021 trở về sau.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, chưa phù hợp hoặc trong trường hợp cần thiết, Nhà trường sẽ xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. /



**GS. TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy**



**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN/MODULES**  
(Kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHH ngày 29 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

**1. ĐIỂM QUÁ TRÌNH**

**1.1. Điểm quá trình của học phần/modules chỉ có lý thuyết (ĐQT<sub>1</sub>)**

Điểm ĐQT<sub>1</sub> được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐQT}_1 = \frac{\text{ĐCC} + \text{ĐKT} \times 2}{3}$$

- Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (Đcc):

Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần/modules		Mức cho điểm
Không vắng		10 điểm
Vắng học ≤ 10%		7-9 điểm
Vắng học > 10% - 15%		Từ 5-7 điểm
Vắng học > 15% - 20%		Từ 3-5 điểm
Vắng học > 20% - 30%		Từ 0-3 điểm
Vắng học > 30%		Không được thi

*Chú thích:* Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên, nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.

- Cách đánh giá điểm kiểm tra (ĐKT): Kiểm tra học phần/module là kiểm tra khi giảng được trên 50% số giờ của học phần/modules đó, thời gian kiểm tra không quá 30 phút. Hình thức kiểm tra quá trình học tập do giảng viên trực tiếp giảng dạy và Khoa, Bộ môn quy định. Điểm kiểm tra được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

**1.2. Điểm quá trình của học phần/modules có cả lý thuyết và thực hành (tại phòng thí nghiệm, phòng máy tính) (ĐQT<sub>2</sub>)**

Điểm ĐQT<sub>2</sub> được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\mathbb{D}QT_2 = \frac{\mathbb{D}_{CC} + (\mathbb{D}_{KT} \times 2) + (\mathbb{D}_{KTTH} \times 6)}{9}$$

Trong đó  $\mathbb{D}_{KTTH}$  là điểm của phần thực hành được quy định cách lượng giá như sau:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.
- Sinh viên được lượng giá theo từng bài thực hành. Điểm của từng bài thực hành được chấm theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm thực hành là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 1.3. Điểm quá trình của học phần/modules có cả lý thuyết và thực hành lâm sàng ( $\mathbb{D}QT_3$ )

$\mathbb{D}QT_3$  bao gồm: Điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập ( $\mathbb{D}_{CC}$ ), điểm kiểm tra quá trình học tập ( $\mathbb{D}_{KT}$ ) và điểm thực hành lâm sàng ( $\mathbb{D}_{THLS}$ ):

$$\mathbb{D}QT_3 = \frac{\mathbb{D}_{CC} + (\mathbb{D}_{KT} \times 2) + (\mathbb{D}_{THLS} \times 12)}{15}$$

Cách đánh giá điểm thực hành lâm sàng ( $\mathbb{D}_{THLS}$ ):

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành lâm sàng.
- Điểm thực hành lâm sàng ( $\mathbb{D}_{THLS}$ ) dựa trên các yếu tố: Điểm làm bệnh án, điểm thực hành kỹ năng lâm sàng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khám, chẩn đoán...), điểm trả lời câu hỏi hoặc lượng giá thực hành theo case lâm sàng và các hình thức đánh giá khác do Hiệu trưởng quy định. Điểm thực hành lâm sàng được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 1.4. Điểm quá trình của học phần/modules có nhiều đơn vị cùng tham gia giảng dạy

Đối với các học phần/modules có nhiều Khoa, Bộ môn cùng tham gia giảng dạy, điểm quá trình được tính theo công thức sau và được làm tròn đến một chữ số thập phân:


$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là trung bình chung của điểm quá trình ( $\mathbb{D}QT_1, \mathbb{D}QT_2, \mathbb{D}QT_3$ )

$a_i$  là điểm quá trình của môn học thứ i

$n_i$  là số giờ của môn học thứ i

n là tổng số giờ của học phần/modules. 

## 2. ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN/MODULES

### 2.1. Học phần/modules chỉ có lý thuyết, học phần/modules có cả lý thuyết và thực hành (tại phòng thí nghiệm, phòng máy tính)

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules (ĐHP) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ĐQT (ĐQT<sub>1</sub>, ĐQT<sub>2</sub>) và điểm thi kết thúc học phần/modules (ĐTHP). Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\text{ĐHP} = \frac{(\text{ĐQT} \times 2) + (\text{ĐTHP} \times 8)}{10}$$

Riêng đối với ngành Y khoa và Răng - Hàm - Mặt đào tạo theo chương trình tích hợp tính theo công thức:

$$\text{ĐHP} = \frac{(\text{ĐQT} \times 3) + (\text{ĐTHP} \times 7)}{10}$$

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules được xếp “**Loại đạt**” khi:

- Điểm kiểm tra thực hành từng môn học trong học phần/module **phải  $\geq 4,0$  điểm.**

- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) **phải  $> 0,0$  điểm (0 điểm).**

### 2.2. Học phần/modules có cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại bệnh viện

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules (ĐHP) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình (ĐQT<sub>3</sub>) và điểm thi kết thúc học phần/modules (ĐTHP). Điểm học phần/modules được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = \frac{\text{ĐQT}_3 + \text{ĐTHP}}{2}$$

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules được xếp “**Loại đạt**” khi:

- Điểm thực hành lâm sàng  **$\geq 4,0$  điểm.**

- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) **phải  $> 0,0$  điểm (0 điểm).**

### 2.3. Học phần/modules áp dụng phương pháp dạy - học tích cực (dạy học dựa trên vấn đề PBL, dạy học theo nhóm TBL...)

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules (ĐHP) bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ĐQT (ĐQT<sub>1</sub>, ĐQT<sub>2</sub>, ĐQT<sub>3</sub>) và điểm thi kết thúc học phần/modules (ĐTHP). Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\text{ĐHP} = \frac{\text{ĐQT} + \text{ĐTHP}}{2}$$

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules được xếp “**Loại đạt**” khi:

- Điểm kiểm tra thực hành từng môn học trong học phần/module, điểm thực hành lâm sàng **phải  $\geq 4,0$  điểm**.

- Điểm thi kết thúc học phần/modules ( $\mathbb{D}_{\text{THP}}$ ) **phải  $> 0,0$  điểm (0 điểm)**.

Ghi chú: Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn trước mỗi năm học lập danh sách đề xuất các học phần/modules sẽ áp dụng phương pháp dạy học tích cực (dạy học dựa trên vấn đề PBL, dạy học theo nhóm TBL...), Hiệu trưởng xem xét phê duyệt thực hiện theo đề nghị của Trưởng Phòng ĐTDH.

#### **2.4. Học phần/modules thực hành tại phòng thí nghiệm**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules là trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ hoặc điểm kiểm tra cuối đợt thực hành và được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân.

#### **2.5. Học phần/modules Tiền lâm sàng**

Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules bao gồm: Điểm đánh giá quá trình ( $\mathbb{D}_{\text{QT}}$ ) và điểm thi kết thúc học phần/modules ( $\mathbb{D}_{\text{THP}}$ ). Điểm học phần/modules được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\mathbb{D}_{\text{HP}} = \frac{\mathbb{D}_{\text{QT}} \times 2 + \mathbb{D}_{\text{THP}} \times 8}{10}$$

Trong đó:

-  $\mathbb{D}_{\text{QT}}$  là điểm trung bình cộng của các bài đánh giá cuối buổi thực hành trong học kỳ được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân (dựa trên tính chuyên cần, số lần thực hiện kỹ năng, tính chuyên nghiệp,...).

-  $\mathbb{D}_{\text{THP}}$  là điểm trung bình cộng của các trạm thi OSCE trong kỳ thi kết thúc học phần/modules được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

#### **2.6. Học phần/modules thực hành lâm sàng**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules bao gồm: Điểm làm bệnh án, điểm thực hành kỹ năng lâm sàng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng khám, chẩn đoán...), điểm trả lời câu hỏi hoặc lượng giá thực hành theo case lâm sàng và các hình thức đánh giá khác do Hiệu trưởng quy định. Điểm thực hành lâm sàng được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

#### **2.7. Học phần/modules thực hành cộng đồng, thực tế nghề nghiệp (tại thực địa)**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành. *W*

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần/modules bao gồm: Điểm của bài báo cáo thu hoạch cuối đợt thực tập, điểm thực hiện các kỹ năng tại cộng đồng, điểm vấn đáp về nội dung và kỹ năng thực tập cộng đồng (theo quy định cụ thể của Khoa/Bộ môn). Điểm kết thúc học phần/modules được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. *./m*

